

从Chess-results的比数据中得到 <https://chess-results.com>
GIẢI VÔ ĐỊCH CỜ TƯỚNG XUẤT SẮC QUỐC GIA NĂM 2026 Cờ siêu chớp nam TC

最后更新23.09.2026 05:35:51

前排序表

序号	姓名	国棋ID	会	等分	俱部/城市
1	Nguyễn, Thành Bảo	23100385	DON	2476	Đồng Nai
2	Nguyễn, Minh Nhật Quang	24040005	HCM	2414	Tp. Hồ Chí Minh
3	Hà, Văn Tiến	24040003	DON	2284	Đồng Nai
4	Phan, Nguyễn Công Minh	24040011	HCM	2248	Tp. Hồ Chí Minh
5	Phan, Trọng Tín	23100326	HCM	2230	Tp. Hồ Chí Minh
6	Tôn, Thất Nhật Tân	23100243	DAN	2229	Đà Nẵng
7	Vũ, Quốc Đạt	24040010	HCM	2224	Tp. Hồ Chí Minh
8	Đào, Văn Trọng	24040017	QNI	2212	Quảng Ninh
9	Chu, Tuấn Hải	23100387	DON	2200	Đồng Nai
10	Đào, Quốc Hưng	23100317	HCM	2200	Tp. Hồ Chí Minh
11	Đặng, Hữu Trang	24040007	HNO	2193	Hà Nội
12	Diệp, Khai Nguyên	24040001	HCM	2192	Tp. Hồ Chí Minh
13	Phí, Mạnh Cường	23100084	QNI	2176	Quảng Ninh
14	Trần, Chánh Tâm	24040012	HCM	2169	Tp. Hồ Chí Minh
15	Dương, Đình Chung	24040015	QNI	2155	Quảng Ninh
16	Đặng, Cửu Tùng Lân	24040006	DON	2151	Đồng Nai
17	Nguyễn, Anh Mẫn	23100249	DAN	2149	Đà Nẵng
18	Trần, Huỳnh Sĩ La	23100246	DAN	2142	Đà Nẵng
19	Nguyễn, Quang Nhật	24040009	QNI	2119	Quảng Ninh
20	Nguyễn, Anh Quân	23100388	QNI	2109	Quảng Ninh
21	Trương, Đình Vũ	23100252	DAN	2107	Đà Nẵng
22	Ngô, Ngọc Minh	24040013	DON	2095	Đồng Nai
23	Đoàn, Đức Hiền	24040021	HCM	2085	Tp. Hồ Chí Minh
24	Đào, Duy Khánh	24120117	QNI	2078	Quảng Ninh
25	Nguyễn, Văn Bon	23100324	DON	2074	Đồng Nai
26	Vũ, Hữu Cường	24040004	DON	2070	Đồng Nai
27	Nguyễn, Trần Đỗ Ninh	24040019	HCM	2055	Tp. Hồ Chí Minh
28	Dương, Hồ Bảo Duy	23100325	DON	2045	Đồng Nai
29	Trần, Thanh Tân	24040022	HCM	2042	Tp. Hồ Chí Minh
30	Vũ, Hồng Sơn	23100085	BNI	2032	Bắc Ninh
31	Đỗ, Như Khánh	24120006	DON	2024	Đồng Nai
32	Đinh, Tú	24040020	BNI	2023	Bắc Ninh
33	Nguyễn, Trường Phúc	24060095	DON	2017	Đồng Nai
34	Trần, Tiến Huy	24090001	HCM	2012	Tp. Hồ Chí Minh
35	Nguyễn, Khánh Ngọc	24040018	DAN	2002	Đà Nẵng
36	Huỳnh, Hào Phát	25050117	HCM	2000	Tp. Hồ Chí Minh
37	Chu, Đức Huy	24060274	QNI	1979	Quảng Ninh
38	Nguyễn, Mạnh Hải	23100088	TNG	1949	Thái Nguyên
39	Nguyễn, Minh Hưng	24090036	DON	1935	Đồng Nai
40	Bùi, Sơn Tùng	24120115	QNI	1912	Quảng Ninh
41	Nguyễn, Hoàng Lâm	23100351	HCM	1888	Tp. Hồ Chí Minh
42	Võ, Văn Hoàng Tùng	23100250	DAN	1845	Đà Nẵng
43	Lương, Đức Hoàng	25100528	QNI	1836	Quảng Ninh
44	Hoàng, Mạnh Hùng	24060241	BNI	1814	Bắc Ninh
45	Nguyễn, An Tấn	24090095	DON	1800	Đồng Nai
46	Nguyễn, Đại Thắng	25100247	HNO	1799	Hà Nội
47	Lê, Trí Bách	24060229	DAN	1789	Đà Nẵng
48	Phạm, Quý Cường	25100220	TNG	1776	Thái Nguyên
49	Giáp, Xuân Cường	24060239	BNI	1742	Bắc Ninh

你找到次比所有料在 <https://chess-results.com/tnr1502533.aspx?lan=33>

国象棋比成服器: Chess-Results